

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Dung

2. Ông Phạm Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm 1, thôn BH, xã NB, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng L, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình;

Nơi ở hiện nay: Công ty Tsukubaenjiniakaisa; địa chỉ: Nimiki 2 -5-12 haitsumiho, Nhật Bản. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L có được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại UBND thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng tại nhà trọ ở Hà Nội, thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau, anh L đã về nhà bố mẹ đẻ ở Gia Viễn, còn chị O ở Hà Nội sinh sống.

Đến tháng 10 năm 2018 chị O về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống và sinh con. Anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ ngày 30/11/2019, từ đó đến nay anh L không về, không quan tâm đến vợ con. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh L thực sự không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, nên chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn với anh Phạm Hồng L để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị O và anh Phạm Hồng L có 01 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 02/11/2018, hiện nay cháu đang ở với chị O. Khi ly hôn chị O xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01 tháng 7 năm 2022 bị đơn anh Phạm Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng L và chị Nguyễn Thị O kết hôn với nhau vào ngày 22/01/2018, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng tại nhà trọ ở Hà Nội thì xảy ra mâu thuẫn không chung sống với nhau nữa. Chị O về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con, vì kinh tế khó khăn anh đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ ngày 30/11/2019 cho đến nay chưa về. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn chị O về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị O có trao đổi qua điện thoại về việc chị O làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh L cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Phạm Hồng L và chị Nguyễn Thị O có 01 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 02/11/2018, hiện nay cháu đang ở với chị O. Chị O có trao đổi với anh về nguyện vọng khi ly hôn chị O muốn trực tiếp chăm sóc nuôi con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh L cũng nhất trí để chị O chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Phạm Hồng L và chị Nguyễn Thị O không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay anh L đang đi lao động ở xa không thể về giải quyết vụ án ly hôn với chị O được, nên anh L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử vắng mặt anh. Mọi giấy tờ Tòa án gửi cho anh, anh L uỷ quyền cho bố đẻ anh là ông Phạm Văn Th, địa chỉ: thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thay anh nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị O về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Hồng L; Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh T, sinh ngày 02/11/2018 đến khi cháu 18 tuổi; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: xóm 1, thôn BH, xã NB, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Phạm Hồng L có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hiện đang tạm trú tại Nhật Bản. (có xác nhận của Đại Sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản); địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, bị đơn anh Phạm Hồng L đã có ý kiến quan điểm và đơn xin xét xử vắng mặt về việc ly hôn đề ngày 01/7/2022. Các văn bản đơn đề nghị, hộ chiếu của anh Phạm Hồng L gửi cho Tòa án đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Ngày 15/8/2022 nguyên đơn chị O có đơn đề nghị không hòa giải. Do đó theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngày 06/9/2022 chị Nguyễn Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các đề nghị của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị O, bị đơn anh Phạm Hồng L theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 3 tháng, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi đánh nhau. Tháng 10 năm 2018 chị O về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa ở và sinh con, còn anh L về nhà bố mẹ ở thị trấn M, huyện Gia Viễn ở và đến 30/11/2019 anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị O là không có, anh L, chị O đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại anh L đang làm ăn sinh sống tại Nhật Bản, chị O cư trú ở Việt Nam, đồng thời do xa cách về địa lý, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Phạm Hồng L và chị Nguyễn Thị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị O là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị O.

[3.2]. Về con chung: chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L xác nhận anh chị có một con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 02/11/2018, hiện nay cháu đang ở cùng với chị O. Khi ly hôn chị O có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh L đang làm ăn ở Nhật Bản, điều kiện trực tiếp nuôi con chung có nhiều hạn chế. Cháu Phạm Minh T đang ở cùng với chị O, được chị O chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, cháu đang ở độ tuổi đi học, cần có sự chăm sóc nuôi dạy, chỉ bảo ân cần của người mẹ. Anh L cũng đồng ý để chị O chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, vì vậy, cần giao cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Minh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con: Chị O không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O và anh L đều xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị O phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Hồng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 02/11/2018 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Minh T đủ 18 tuổi. Anh Phạm Hồng L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu. Do vậy không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Hồng L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000031 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Phạm Hồng L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA-DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS; HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Trần Thị Sâm